

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS - ST
Ngày: 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 tại H, C, H; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị S; Có vợ là Hoàng Thị H; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2020 đến ngày 21/12/2020 bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh H đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Quang D, sinh năm 1998 tại H, C, H; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K và bà Đặng Thị K; Có vợ là: Đoàn Thị T; có 02, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2020 đến ngày 21/12/2020 bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh H đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Đặng Đức N, sinh năm 1998 tại H, C, H; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị C; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2020 đến ngày 21/12/2020 bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh H đến nay. Có mặt.

* Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu T, phường H, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18 tháng 12 năm 2020, Đặng Văn N (là người nghiện ma túy) đi bộ từ nhà đến nhà nghỉ Q ở khu dân cư T, phường H, thành phố C, tỉnh H (do chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981; trú tại: Khu T, phường H làm chủ) thuê phòng 202 nghỉ. Một lúc sau, Nguyễn Văn L và Hoàng Quang D đều là người nghiện ma túy cũng đến phòng 202 nhà nghỉ Q. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện, N, L và D cùng rủ nhau góp mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy về, cùng nhau sử dụng. Do D, N chưa có tiền nên L đồng ý ứng ra trước mỗi người 100.000 đồng, tổng số tiền 300.000 đồng cho ba người để cùng mua ma túy về sử dụng. Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Văn L đi xuống bắt taxi đi đến khu vực thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau khi xuống xe, L đi bộ vào ngõ gấp và mua của một người thanh niên (L không biết tên, tuổi và địa chỉ) 300.000 đồng tiền ma túy. Người thanh niên này đưa cho L 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa ma túy, L cầm gói ma túy đi ra xe taxi rồi đi về nhà nghỉ Q. Khoảng 03 giờ 50 phút ngày 19 tháng 12 năm 2020, L về đến nhà nghỉ Q vào phòng 202 gặp D và N. L vừa bỏ gói ma túy ra để trên mặt giường phòng nghỉ để N, D và L cùng nhau sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an thành phố C, tỉnh H kiểm tra phát hiện, thu giữ tại giường 01 túi nilon viền khóa màu trắng, kích thước (2x2,5)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 27/KLGD-PC09 ngày 22/12/2020 của Phòng k, Công an tỉnh H kết luận:

Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì thu tại vị

trí mặt giường phòng số 202 của L, D và N gửi đến giám định khối lượng là 0,317 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-CL ngày 26/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quang D từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2020.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức N từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy: 0,264 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 03 giờ 50 phút ngày 19 tháng 12 năm 2020, tại phòng 202 nhà nghỉ Q thuộc khu dân cư T, phường H, thành phố C, tỉnh H, Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N có hành vi tàng trữ trái phép 0,317 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng cho bản thân, thì bị lực lượng Công an thành phố C phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng nên đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý mua ma túy về để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Các bị cáo đồng phạm với nhau, hành vi của bị cáo này tiếp sức, thúc đẩy bị cáo kia thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L trực tiếp đi mua ma túy, ứng tiền mua ma túy cho D và N để ba bị cáo cùng sử dụng. Vì vậy, tính chất hành vi của bị cáo L thể hiện là người thực hành tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo D và bị cáo N. Đối với D và N tuy không trực tiếp đi mua ma túy nhưng cùng thống nhất ý chí để L đi mua ma túy về cùng sử dụng, khi nào có tiền sẽ trả L sau, nên giữa vai trò ngang nhau và là vai trò thứ hai trong vụ án.

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét tới các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, lao động mà lại vướng vào con đường nghiện ngập chất ma túy nên cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để rèn luyện các bị cáo trở thành người có ích, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung : Xét các bị cáo là người nghiện ma túy, mua ma

túy về sử dụng không nhằm mục đích kiếm lời, không có thu nhập, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã thu giữ số ma túy hoàn lại sau giám định là 0,264 gam là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho hủy bỏ là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Trong vụ án, L khai mua ma túy của người đàn ông, qua điều tra chưa xác định được người đàn ông này là ai, cơ quan điều tra tách ra để xác minh, làm rõ và xử lý sau. Đối với chị Q là chủ nhà nghỉ Q không biết các bị cáo thuê phòng nghỉ để sử dụng trái phép chất ma túy nên không đặt ra xem xét, xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo L, D và N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 17 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19-12-2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quang D 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19-12-2020.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức N 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19-12-2020.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 0,264 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định, đựng trong 01 phong bì niêm phong 3 dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, mặt trước phong bì có ghi: số 27/KLGD-PC09, Cơ quan CSĐT-CATP C, tang vật gửi giám định QĐTC số 450 ngày 20/12/2020. *(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thành phố C và Chi cục THADS thành phố C ngày 26/01/2021).*

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Quang D và Đặng Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thu Hương